



Hậu Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Số: 49 /CTN-CTĐT

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận  
sau thuế TNDN trong BCTC hợp nhất  
năm 2022 giảm 21,39% so với năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – CTĐT Hậu Giang,

Nay Công ty Cổ phần CTN – CTĐT Hậu Giang xin giải trình một số nguyên nhân cơ bản làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 trong BCTC hợp nhất giảm so với năm 2021 là: 1.777.363.258 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 21,39% như sau:

| STT | CHỈ TIÊU  | Năm 2022        | Năm 2021        | TĂNG/GIẢM      | TỈ LỆ   |
|-----|---|-----------------|-----------------|----------------|---------|
| 1.  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 279.019.117.238 | 226.082.960.336 | 52.936.156.902 | 23,41   |
| 2.  | Các khoản giảm trừ doanh thu                    |                 |                 |                |         |
| 3.  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 279.019.117.238 | 226.082.960.336 | 52.936.156.902 | 23,41   |
| 4.  | Giá vốn hàng bán                                | 232.621.396.209 | 193.944.824.410 | 38.676.571.799 | 19,94   |
| 5.  | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 46.397.721.029  | 32.138.135.926  | 14.259.585.103 | 44,37   |
| 6.  | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 18.366.206      | 58.757.748      | (40.391.542)   | (68,74) |

|     |   |                |                |                 |         |
|-----|---|----------------|----------------|-----------------|---------|
| 7.  | Chi phí tài chính                                   | 2.584.941.099  | 3.655.823.113  | (1.070.882.014) | (29,29) |
|     | Trong đó: chi phí lãi vay                           | 2.584.941.099  | 3.655.823.113  | (1.070.882.014) | (29,29) |
| 8.  | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |                |                |                 |         |
| 9.  | Chi phí bán hàng                                    |                |                |                 |         |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 37.235.353.969 | 24.300.281.213 | 12.935.072.756  | 53,23   |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | 6.595.792.167  | 4.240.789.348  | 2.355.002.819   | 55,53   |
| 12. | Thu nhập khác                                       | 1.749.471.351  | 6.397.782.021  | (4.648.310.670) | (72,66) |
| 13. | Chi phí khác  | 160.816.399    | 954.110.894    | (793.294.495)   | (83,14) |
| 14. | Lợi nhuận khác                                      | 1.588.654.952  | 5.443.671.127  | (3.855.016.175) | (70,82) |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 8.184.447.119  | 9.684.460.475  | (1.500.013.356) | (15,49) |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành                  | 1.651.856.551  | 1.374.506.379  | 277.350.172     | 20,18   |
| 17. | Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại                   |                |                |                 |         |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 6.532.590.568  | 8.309.954.096  | (1.777.363.528) | (21,39) |

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 52,94 tỷ đồng tương đương tỷ lệ tăng 23,41% so với cùng kỳ năm trước (trong đó chủ yếu tăng doanh thu đô thị, doanh thu tiền nước, doanh thu công trình ...).



Giá vốn hàng bán tăng 38,68 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 19,94% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nguyên nhân chủ yếu do chi phí nhân công (lương), chi phí nhiên liệu tăng và chi phí nguyên vật liệu đô thị tăng (phân bón, thuốc trừ sâu, trồng dặm cây, hóa chất xử lý rác,...).

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng nhiều hơn tăng giá vốn hàng bán làm cho lợi nhuận gộp tăng 14,26 tỷ đồng; tương đương với tỷ lệ tăng 44,37%.

2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 40,39 triệu đồng, tỷ lệ giảm 68,74%;

Chi phí tài chính giảm 1.070,88 triệu đồng, tỷ lệ giảm 29,29%, nguyên nhân là do chi phí lãi vay giảm;

Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm ít hơn chi phí tài chính làm cho lợi nhuận từ hoạt động tài chính lỗ ít hơn 1.030,49 triệu đồng, tương đương tỉ lệ giảm là 28,65%..

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 12,94 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 53,23% so với cùng kỳ.

4. Thu nhập khác giảm 4,65 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 72,66% so với cùng kỳ:

Chi phí khác giảm 0,79 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 83,14% so với cùng kỳ;

Thu nhập khác giảm nhiều hơn giảm chi phí khác làm cho lợi nhuận khác giảm 3,86 tỷ đồng tương đương tỉ lệ giảm 70,82%.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng nhiều hơn tăng giá vốn hàng bán làm cho lợi nhuận gộp tăng 14,26 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp cộng với lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng nhiều hơn tăng chi phí quản lý doanh nghiệp làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 2,36 tỷ đồng; lợi nhuận thuần tăng ít hơn giảm lợi nhuận khác làm cho lợi nhuận trước thuế giảm 1,50 tỷ đồng; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 0,28 tỷ đồng làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 1,78 tỷ đồng; tương đương tỷ lệ giảm 21,39%.

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 giảm so với năm 2021 là 1,78 tỷ đồng tương đương tỷ lệ giảm 21,39%.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TBKS (để b/c);
- Ban TGDĐ (để b/c);
- Lưu VT, TC-KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Trọng Lực